

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 3 - 2018.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Tráng.

Ông Lê Mạnh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, thư ký TAND huyện Mỹ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Lê Mạnh D**, sinh năm 1988. Có mặt.

Cư trú: thôn V, TT Đ, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Lan H**, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: thôn V, TT Đ, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội

Cư trú: khu 2, xã T, huyện C, tỉnh P.

3. Người làm chứng: Bà Đỗ Thị Lan PH, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Cư trú: xóm Đ, xã T, huyện C, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Mạnh D và chị Nguyễn Thị Lan H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện M ngày 13/4/2009. Sau khi cưới anh D sống cùng gia đình chị H ở tỉnh P đến năm 2011 thì vợ chồng anh chị về quê anh D. Do tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên cãi cọ, mâu thuẫn nên vợ chồng chỉ chung sống được khoảng hai tháng chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở tỉnh P. Từ ngày chị H bỏ đi anh D đã tìm nhiều biện pháp để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H không về mà tự viết đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án nhân dân huyện M giải quyết. Đến nay anh chị đã ly thân 07 năm. Anh D thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên tha thiết xin được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng hợp lệ của Tòa án nhưng chị H vắng mặt không có lý do.

Bà Đỗ Thị Lan PH là mẹ đẻ và ở cùng nhà với chị H cho biết: Anh D và chị H tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới vợ chồng anh D ở cùng với bà PH. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó do bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nên anh chị về quê anh D sống. Ở quê chồng tình cảm anh chị vẫn không cải thiện được, chị H lại về ở với bà đến nay. Do chị H đi làm vắng nhà nên bà PH nhận trách nhiệm giao ngay các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H. Bà PH đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị H. Anh D và chị H không có con chung, không có tài sản.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả do chị H vắng mặt không có lý do còn anh D tha thiết xin được ly hôn.

Tại phiên toà Kiểm sát viên có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án toà án đã thực hiện đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự như tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ hai, HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lan H là bị đơn nhưng chị và anh D đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức giải quyết việc ly hôn của anh chị. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện M.

Chị H đã được giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 20/3/2018 Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất chị H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn hợp pháp, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Anh chị sống ly thân từ năm 2011 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy hôn nhân anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung và tài sản chung: Chị H, anh D đều không có con chung, không có tài sản chung và không vay nợ ai, không đề nghị tòa xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 CH III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì anh D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 CH III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; **Xử:**

1. Anh Lê Mạnh D được ly hôn Chị Nguyễn Thị Lan H.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Xác nhận anh chị không có, không yêu cầu toà giải quyết.

3. Về án phí: Anh Lê Mạnh D phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001657 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với anh D; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với chị H.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn Đ.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố